

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026
NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG
TRƯỜNG MẦM NON HOA CÚC

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1	1. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	Hoạt động khác: Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu			
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	Hoạt động học: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp.(1) + Đi có mang vật trên tay.(2)

Hoạt động học:

- + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp.(1)
- + Đi có mang vật trên tay.(2)

3	MT3	2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.	+ Chạy theo hướng thẳng.(3) + Đứng co 1 chân(4) + Tung - bắt bóng cùng cô. + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích. + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò chui qua cổng. + Ném xa lên trước bằng 1 tay.(tối thiểu 1,5m) + Đá bóng.
4	MT4	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	
5	MT5	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay			
6	MT6	3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	Hoạt động học: Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rút, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt			
7	MT7	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	Hoạt động khác:

8	MT8	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định
9	MT9	1.3. Đi vệ sinh đúng nơi qui định.	
2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe			
10	MT10	2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	Hoạt động khác: - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt + Mặc quần áo ấm khi trời lạnh, đi giày dép, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.
11	MT11	2.2. Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn			
12	MT12	3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: - Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) - Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch
13	MT13	3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch	

		các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở.	chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...)
II. Giáo dục phát triển nhận thức			
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan			
14	MT14	1. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Hoạt động học: - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt-mặn- chua) - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt-mặn- chua) - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. Hoạt động khác: - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.
15	MT15	2.1 Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	

			- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt-mặn- chua)
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi			
16	MT16	2.2. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	Hoạt động học: - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Tên và một số đặc điểm nổi bật của đồ vật, con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Màu đỏ, vàng, xanh. - Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông.
17	MT17	2.3. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	
18	MT18	2.4 Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	
19	MT19	2.5 Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	
20	MT20	2.6 Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	

			- Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều.
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
21	MT21	1.1. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	Hoạt động học: - Lắng nghe, hiểu và trả lời được một số câu hỏi đơn giản trong câu chuyện. Hoạt động khác: - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?...
22	MT22	1.2. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)	
23	MT23	1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu			
24	MT24	2.1. Phát âm rõ tiếng.	Hoạt động học: - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. Hoạt động khác: - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
25	MT25	2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp			
26	MT26	3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	Hoạt động học: - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi
27	MT27	3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:	

		-Chào hỏi, trò chuyện. -Bày tỏ nhu cầu của bản thân. -Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	trong tranh. Hoạt động khác: - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Nói to, đủ nghe, lễ phép.
28	MT28	3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép.	
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân			
29	MT29	1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	Hoạt động học: - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
30	MT30	1.2 Thể hiện điều mình thích và không thích.	
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi			
31	MT31	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	Hoạt động khác: - Thực hiện được 1 số yêu cầu đơn giản của giáo viên Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. - Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ. - Quan tâm đến các vật nuôi.
32	MT32	2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	
33	MT33	2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	
34	MT34	2.4. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản			
35	MT35	3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă.	Hoạt động học: Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ă”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện
36	MT36	3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện	

		thoại...).	thoại...).
37	MT37	3.3. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. Hoạt động khác: - Chơi hòa đồng với bạn
38	MT38	3.4. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh			
39	MT39	4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	Hoạt động học: - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.
40	MT40	4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	